



**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN KIÊM HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC THẦU CHI TÀI KHOẢN (sau đây gọi tắt là “Hợp Đồng”)**

**Dành cho Khách hàng doanh nghiệp**

**Mã số hồ sơ**

\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_-\_\_\_\_  
(năm-tháng-ngày-giờ-phút-đao-mã khách hàng)

**PHẦN I - GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN**

**1. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG<sup>1</sup>:**

<b>1.1 Thông tin doanh nghiệp đề nghị cấp hạn mức (Khách hàng/ Bên vay)</b>					
Tên doanh nghiệp					
Giấy CNĐKKD/CNĐKDN	Ngày cấp		Cơ quan cấp		
Địa chỉ trụ sở					
Địa chỉ giao dịch hiện tại					
Ngành nghề kinh doanh chính					
Vốn điều lệ					
Vốn thực góp					
<b>1.2 Thông tin về người đại diện vay vốn của doanh nghiệp tại VPBank</b>					
Họ và tên					
Ngày sinh	...../...../.....				
Số CMND/Hộ chiếu/ Thẻ CCCD	Ngày cấp		Nơi cấp		
Hộ khẩu thường trú					
Địa chỉ hiện tại	<input type="checkbox"/> Như trên <input type="checkbox"/> Khác (vui lòng ghi cụ thể):				
Điện thoại liên hệ	Cố định:		Di động:		
<b>1.3 Địa chỉ, email, điện thoại di động, fax nhận thông báo từ VPBank</b>					
Địa chỉ: .....					
Email: .....					
Điện thoại di động: .....					
Fax:.....					
<b>1.4. Cơ cấu vốn góp và quan hệ tín dụng của thành viên/cổ đông góp vốn với VPBank</b>					
STT	Họ và tên	Mối quan hệ giữa các thành viên góp vốn với người đại diện pháp luật <sup>(1)</sup>	Tỷ lệ góp vốn	Kinh nghiệm, năng lực	Dư nợ/ lịch sử tín dụng với VPB

<sup>1</sup> Đơn vị kinh doanh hướng dẫn Khách hàng kê khai thông tin về người có liên quan theo Quy định 41/2015/QĐi-TGD ngày 14/05/2015 của Tổng Giám đốc về quản lý hạn mức nhóm Khách hàng liên quan [Lưu ý: Xóa chú thích này trước khi chuyển Khách hàng ký].

--	--	--	--	--

**1.5 Thành viên góp vốn chính (nếu là Doanh nghiệp) (\*)**

Mối quan hệ với khách hàng				
Tên doanh nghiệp				
Giấy CNĐKKD/CNĐKDN	Ngày cấp		Cơ quan cấp	
Địa chỉ				
Điện thoại di động				
Ngành nghề kinh doanh chính				
Vốn điều lệ				
Người góp vốn cao nhất	Họ và tên			
	Ngày sinh			
	Số CMND/Hộ chiếu/ Thẻ CCCD	Ngày cấp		Nơi cấp
	Hộ khẩu thường trú			
	Địa chỉ hiện tại			
	Tỷ lệ góp vốn			

**Thành viên góp vốn chính (nếu là cá nhân) (\*)**

Mối quan hệ với khách hàng				
Họ và tên				
Ngày sinh				
Số CMND/Hộ chiếu/ Thẻ CCCD	Ngày cấp		Nơi cấp	
Hộ khẩu thường trú				
Địa chỉ hiện tại				
Điện thoại di động				

**1.6 Thông tin về Nhóm Khách hàng được coi như một Khách hàng**

**Nhóm Khách hàng được coi như một Khách hàng (nếu là Doanh nghiệp) (\*)**

Mối quan hệ với khách hàng				
Tên doanh nghiệp				

Giấy CNĐKKD/CNĐKDN		Ngày cấp	Cơ quan cấp
Địa chỉ			
Ngành nghề kinh doanh chính			
Vốn điều lệ			
Người góp vốn cao nhất	Họ và tên		
	Ngày sinh		
	Số CMND/Hộ chiếu/ Thẻ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp
	Hộ khẩu thường trú		
	Địa chỉ hiện tại		
	Tỷ lệ góp vốn		

**Nhóm Khách hàng được coi như một Khách hàng (nếu là cá nhân) (\*)**

Mối quan hệ với khách hàng			
Họ và tên			
Ngày sinh			
Số CMND/Hộ chiếu/ Thẻ CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	
Hộ khẩu thường trú			
Địa chỉ hiện tại			

(\*) Nếu có nhiều thành viên góp vốn chính/Nhóm Khách hàng được coi như một Khách hàng, Đơn vị sẽ Insert để điền thông tin theo mẫu trên

### 1.7 Thông tin hoạt động

Lĩnh vực kinh doanh chính/ sản phẩm chính	Tỷ trọng trên tổng doanh thu

### 1.8. Thông tin về dư nợ tại các tổ chức tín dụng:

Tên TCTD	Hình thức cấp tín dụng/Mục đích	Số dư tín dụng (bao gồm dư nợ vay, LC, Bảo lãnh...)	Loại TSBD

## 2. PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Tên phương án:	
Địa điểm (địa chỉ) thực hiện phương án:	
Cơ sở pháp lý (nếu có):	
Tình hình thị trường cung cấp nguyên, vật liệu:	
Khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ:	
Khả năng cạnh tranh:	
Nguồn nhân lực, quản lý tổ chức thực hiện:	

## 3. HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ XÁC ĐỊNH NHU CẦU VỐN:

Doanh thu năm kế hoạch:	
Tổng chi phí:	
Lợi nhuận sau thuế:	
Nhu cầu vốn lưu động cho 1 chu kỳ kinh doanh:	
Vốn tự có phục vụ kinh doanh:	
Vốn chiếm dụng nhà cung cấp/ vốn ứng trước của Khách hàng:	
Nhu cầu vốn tín dụng từ các tổ chức tín dụng, trong đó:	
(i) vay tại VPBank:	
(ii) vay của các tổ chức tín dụng khác	

## 4. KẾ HOẠCH VAY VÀ NGUỒN TRẢ NỢ (\*)

### 4.1 Với nhu cầu nêu trên, Chúng tôi đề nghị VPBank cho vay với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức thấu chi:	Bằng số: ..... (Bằng chữ: .....)
Phương thức vay vốn:	Vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán
Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi:	
Mục đích sử dụng vốn vay:	
Thời gian sử dụng vốn:	
Lãi suất cho vay trong hạn, quá hạn, cơ chế điều chỉnh lãi suất:	Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất thực hiện theo phê duyệt cho vay của VPBank
Tài khoản đề nghị cấp hạn mức thấu chi:	Là tài khoản thanh toán Khách hàng mở tại VPBank theo đúng quy định mở và sử dụng Tài khoản thanh toán của VPBank trong từng thời kỳ và được thông báo cụ thể trong Phần III – Phần Xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank của Giấy đề

	ngiht vay vón kiem Phuong án sử dụng vón kiem Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản.
Phuong thức giải ngân:	Chỉ được sử dụng hạn mức thấu chi theo phuong thức duy nhất là chuyên khoản từ tài khoản thấu chi thông qua các lệnh thanh toán hợp pháp để thanh toán các chi phí mua hàng hóa cho Công ty ..... ( <b>Bên thụ hưởng</b> ) vào tài khoản thanh toán số ..... của Bên thụ hưởng mở tại ..... theo Hợp đồng đại lý, hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng của KH với Bên thụ hưởng.
Phuong thức trả nợ gốc, lãi:	
Đề xuất khác:	

**4.2 Nguồn trả nợ:**

Chi tiết nguồn thu từ phuong án	
Chi tiết nguồn thu từ hoạt động kinh doanh hiện tại	
Chi tiết nguồn thu khác:	

**5. CAM KẾT CỦA BÊN VAY:**

Bằng việc ký tên, đóng dấu dưới đây, Chúng tôi (Bên vay) cam kết, xác nhận và đồng ý rằng:

- a) Các chi tiết, thông tin nêu trên là chính xác, cập nhật và đầy đủ, đúng sự thật. Chúng tôi đồng ý để VPBank xác thực các thông tin nêu trên từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà VPBank có được;
- b) Phuong án nêu trên là khả thi, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản lý, triển khai thực hiện của Chúng tôi, mục đích vay vón là hợp pháp và tuân thủ quy định pháp luật;
- c) VPBank có quyền sử dụng các thông tin về Chúng tôi và các khoản tín dụng của Chúng tôi bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Chúng tôi cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Chúng tôi và Bên Ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cung cấp cho các đối tác liên quan có hợp tác với Bên Ngân hàng để phát triển, cung cấp hoặc liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng;
- d) Chúng tôi xác nhận về việc không đủ điều kiện để vay vón theo các chương trình, sản phẩm mà đối tượng, nhu cầu vón theo các chương trình, sản phẩm đó chịu sự điều chỉnh của Ngân hàng nhà nước về mức lãi suất cho vay tối đa. Trường hợp được Bên Ngân hàng chấp thuận cho vay theo đề nghị này, Chúng tôi cam kết tự nguyện vay vón theo lãi suất thỏa thuận với Bên Ngân hàng theo cung cầu vón thị trường, nhu cầu vay vón và mức độ tín nhiệm của Chúng tôi
- e) Các yêu cầu của Chúng tôi về hạn mức thấu chi, thời hạn duy trì hạn mức thấu chi và các nội dung liên quan khác được nêu **tại Phần I - Giấy đề nghị vay vón kiem Phuong án sử dụng vón** của Hợp Đồng chỉ là đề xuất của Chúng tôi để VPBank xem xét. Hạn mức thấu chi, thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, lãi suất thấu chi và các nội dung khác liên quan tới khoản vay thấu chi sẽ được quyết định sau khi VPBank thẩm định các điều kiện vay vón của Chúng tôi và được quy định tại **Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank** của Hợp Đồng.

Chúng tôi đồng ý rằng, nếu nội dung chấp thuận của VPBank khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của VPBank sẽ có giá trị áp dụng và được coi là thỏa thuận chính thức giữa Chúng tôi và VPBank. VPBank sẽ thông báo cho Chúng tôi về nội dung khoản vay được phê duyệt bằng một trong các phuong thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phuong thức sau: gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Bên vay, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Bên vay, gửi email tới Bên vay theo địa chỉ, điện thoại, email mà Chúng tôi đã đăng ký tại mục 1 **Phần I - Giấy đề nghị vay vón kiem Phuong án sử dụng vón** của Hợp Đồng hoặc các phuong thức khác do VPBank triển khai từng thời kỳ. Trường hợp Chúng tôi không đồng ý với nội dung được VPBank phê duyệt, Chúng tôi phải thông báo bằng phuong thức xác nhận không đồng ý vay vón qua điện thoại khi VPBank gọi điện thông báo về khoản vay của Chúng tôi được VPBank phê duyệt. Trong mọi

trường hợp, Chúng tôi đồng ý rằng, bằng việc sử dụng hạn mức thấu chi thông qua các lệnh thanh toán hợp pháp từ tài khoản thấu chi để thanh toán cho Bên thụ hưởng, Chúng tôi đã xác nhận và đồng ý chịu ràng buộc nghĩa vụ với VPBank theo toàn bộ nội dung chấp thuận cho vay của VPBank;

- f) Chúng tôi hiểu rõ việc điền đầy đủ thông tin theo Hợp Đồng không đảm bảo VPBank chấp thuận cấp hạn mức thấu chi không có tài sản bảo đảm cho Chúng tôi. Chúng tôi hiểu rằng VPBank có thể từ chối cấp hạn mức thấu chi không có tài sản bảo đảm và có thể lựa chọn giữ lại các giấy tờ liên quan được cung cấp bởi Chúng tôi để xử lý hồ sơ cho dù hồ sơ của Chúng tôi có được chấp nhận hay bị từ chối;
- g) Chúng tôi đã được VPBank cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính tiền lãi; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp Đồng và điều kiện giao dịch chung (nếu có) ...;
- h) Chúng tôi đã đọc, được giải thích đầy đủ, hiểu rõ và đồng ý tuân theo các điều khoản và điều kiện tại **Phần II - Bản Điều khoản và Điều kiện cho vay hạn mức thấu chi tài khoản** của Hợp Đồng;
- i) Chúng tôi cam kết rằng tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp Đồng (nếu có) và tất cả các khoản tiền được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác của Bên vay theo Hợp Đồng được hình thành từ các nguồn hợp pháp và không vi phạm bất kỳ các quy định nào của pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố).
- j) Việc ký vào Hợp Đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhằm lẫn.

....., Ngày .../.../.....

**Đại diện Bên vay**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

## PHẦN II – BẢN ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHO VAY HẠN MỨC THẤU CHI TÀI KHOẢN

Các nội dung nêu tại Phần II – Bản Điều khoản và điều kiện cho vay hạn mức thấu chi tài khoản này (“**Bản Điều Khoản Và Điều Kiện**”) cùng với **Phần I - Giấy đề nghị vay vốn kiêm Phương án sử dụng vốn** nêu trên và **Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank** dưới đây tạo thành một bản Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản hoàn chỉnh giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Bên vay (sau đây gọi chung là “**Hợp Đồng**”).

Bằng việc Bên vay ký vào **Phần I - Giấy đề nghị vay vốn kiêm Phương án sử dụng vốn** nêu trên và Đại diện Bên Ngân hàng ký, đóng dấu vào **Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank** dưới đây, Bên vay và Bên Ngân hàng cam kết tuân thủ các điều khoản và điều kiện sau đây:

### Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

- VPBank/ Bên Ngân hàng:** Là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Bên Ngân hàng được hiểu bao gồm bất kỳ: Hội sở chính, Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;
- Bên vay:** Là khách hàng pháp nhân với thông tin được nêu cụ thể tại Phần I - Giấy đề nghị vay vốn kiêm Phương án sử dụng vốn của Hợp Đồng;
- Xác nhận chấp thuận cho vay:** Là các nội dung chấp thuận cấp hạn mức thấu chi tài khoản của VPBank đối với Bên vay và được ghi nhận tại Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank của Hợp Đồng;
- Hệ thống Veefin-SCF/ Hệ thống:** Là một tập hợp có cấu trúc các trang thiết bị phần cứng, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống mạng truyền thông và an ninh bảo mật để sản xuất, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số phục vụ cho việc quản lý và cung cấp dịch vụ của Bên Ngân hàng;
- Hợp đồng sử dụng Hệ thống:** Là Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cung cấp và sử dụng Hệ thống tài trợ chuỗi Veefin-SCF được ký bởi Bên vay và được Bên Ngân hàng chấp thuận hoặc bất kỳ văn bản nào khác được giao kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng về việc sử dụng Hệ thống Veefin-SCF;
- Lệnh chuyển tiền và nhận nợ:** Là lệnh thanh toán, chuyển khoản từ Tài khoản thấu chi vào Tài khoản thanh toán của Bên thụ hưởng được Bên vay thực hiện trên Hệ thống Veefin-SCF đồng thời là văn bản xác nhận nợ của Bên vay với Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng này.
- Ngày sao kê:** Gồm có:
  - Ngày sao kê thứ nhất được xác định là vào ngày cuối cùng của mỗi tháng trong Kỳ trả nợ của từng Khoản Nợ: Hệ thống Veefin-SCF tự động tính và liệt kê chi tiết số nợ gốc, nợ lãi, các khoản tiền phí, phạt (nếu có) chưa trả của Bên vay phát sinh tính đến Ngày sao kê thứ nhất theo từng Khoản Nợ với mục đích để Bên vay biết thông tin; và
  - Ngày sao kê thứ hai được xác định là vào Ngày đến hạn thanh toán của từng Khoản Nợ: Hệ thống Veefin-SCF tự động tính và liệt kê chi tiết số nợ gốc, nợ lãi, các khoản tiền phí, phạt (nếu có) đến hạn mà Bên vay phải trả tại Ngày sao kê thứ hai của từng Khoản Nợ với mục đích để Bên vay biết thông tin, đồng thời là căn cứ để xác định số tiền nợ gốc, nợ lãi, các khoản tiền phí, phạt (nếu có) đến hạn của từng Khoản Nợ mà Khách hàng phải trả cho Bên Ngân hàng.

### Điều 2. Hạn Mức Thấu Chi, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay, Đồng Tiền Cho Vay, Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Thấu Chi Và Phương Thức Cho Vay

- Hạn mức thấu chi được cấp: Được quy định chi tiết tại Xác nhận chấp thuận cho vay.
- Tài khoản được sử dụng để nhận và sử dụng vốn vay thấu chi: Tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng và sẽ được ghi nhận tại Xác nhận chấp thuận cho vay (Tài khoản thấu chi).
- Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: Được quy định chi tiết tại Xác nhận chấp thuận cho vay. Trong Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, Bên vay có thể rút vốn vay nhiều lần nhưng tại mọi thời điểm phải đảm bảo:
  - Tổng dư nợ của Bên vay theo Hợp Đồng không được vượt quá Hạn mức thấu chi quy định tại Khoản 1, Điều này; và
  - Phù hợp với cam kết của Bên vay tại Điểm f) Khoản 3 Điều 13 của Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Vốn vay từ hạn mức thấu chi theo Hợp Đồng được sử dụng cho mục đích mà Bên vay kê khai tại Phần I - Giấy đề nghị vay vốn kiêm Phương án sử dụng vốn của Hợp Đồng và được Bên Ngân hàng chấp thuận tại Xác nhận chấp thuận cho vay. Bên vay có trách nhiệm sử dụng vốn

vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên Ngân hàng về mục đích sử dụng vốn vay của mình.

5. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán.

### **Điều 3. Điều Kiện Giải Ngân Và Phương Thức Sử Dụng Hạn Mức Thấu Chi**

1. Điều kiện giải ngân: Trừ trường hợp Bên Ngân hàng có chấp thuận khác, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân khi Bên vay và Bên liên quan (nếu có) đáp ứng các điều kiện sau:

- Mục đích thanh toán phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 2 Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này;
- Đã hoàn tất hồ sơ, điều kiện giải ngân và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định và yêu cầu của Bên Ngân hàng;
- Không xảy ra các trường hợp Bên vay bị chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn theo quy định của Hợp Đồng;
- Ngày giải ngân nằm trong Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi;
- Số tiền giải ngân đáp ứng điều kiện nêu tại Khoản 3 Điều 2 Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này;
- Hợp đồng sử dụng Hệ thống ký giữa Bên vay và Bên Ngân hàng còn hiệu lực;
- Đáp ứng các điều kiện khác nêu tại Xác nhận chấp thuận cho vay (nếu có).

Không phụ thuộc vào các thỏa thuận nêu trên, Bên Ngân hàng có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc do Hệ thống Veefin-SCF và/hoặc do điều kiện thực tế của Bên Ngân hàng không thể giải ngân.

2. Phương thức sử dụng vốn vay thấu chi:

- Bên vay chỉ được sử dụng hạn mức thấu chi theo phương thức duy nhất là chuyển khoản thông qua các Lệnh chuyển tiền và nhận nợ hợp pháp trên Hệ thống Veefin-SCF để thanh toán các chi phí theo đúng mục đích sử dụng được nêu tại khoản 4 Điều 2 Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này.
- Bên vay không được rút vốn bằng tiền mặt, được hiểu bao gồm cả phương thức rút tiền mặt thông qua thẻ ghi nợ.

3. Bên vay đồng ý rằng, thời điểm nhận nợ của Bên vay là thời điểm Bên vay sử dụng hạn mức thấu chi để chuyển khoản thanh toán. Chứng từ chuyển khoản, chứng từ liên quan tới việc sử dụng vốn vay là văn bản xác nhận nợ của Bên vay. Bên vay cam kết chấp nhận vô điều kiện các chứng từ, số liệu từ hệ thống của Bên Ngân hàng in ra liên quan đến nợ gốc, nợ lãi, phí, tiền phạt mà Bên vay phải thanh toán cho Bên Ngân hàng.

### **Điều 4. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác**

1. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với từng khoản giải ngân thuộc Hạn mức thấu chi (sau đây gọi là "**Khoản Nợ**"): Được quy định chi tiết tại Xác nhận chấp thuận cho vay.

2. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ (lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ): Thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng.

3. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

4. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả:

a) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Bên vay phải trả được tính theo công thức bằng (=)  $\sum$  (Số dư thực tế nhân (x) Số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) Lãi suất tính lãi) chia (/) 365, trong đó:

- Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày Bên vay thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân hàng. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.



- (ii) Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả thực tế mà Bên vay còn phải trả cho Bên Ngân hàng được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.
  - (iii) Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
  - (iv) Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả như được Các Bên thỏa thuận tại Hợp Đồng và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.
- b) Trường hợp thời hạn tính từ khi Bên vay nhận giải ngân vốn vay đến khi Bên vay thanh toán khoản tiền Bên Ngân hàng đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm Bên vay trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.
6. Phí liên quan đến Tài khoản thấu chi và khoản vay thấu chi: Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí theo quy định sau đây:
- a) Phí liên quan tới Tài khoản thấu chi:
    - Phí thiết lập Tài khoản thấu chi;
    - Phí quản lý Tài khoản thấu chi;
    - Các khoản phí khác theo quy định của Bên Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
  - b) Phí liên quan tới khoản vay hạn mức thấu chi tài khoản: Thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
  - c) Trừ trường hợp Hợp Đồng có quy định khác hoặc Các Bên có thỏa thuận khác, các loại phí, mức phí mà Bên vay phải thanh toán sẽ thực hiện theo biểu phí được Bên Ngân hàng niêm yết công khai tại trụ sở các địa điểm kinh doanh và/hoặc trên website ([www.vpbank.com.vn](http://www.vpbank.com.vn)) của Bên Ngân hàng tại thời điểm thu phí. Bên vay đồng ý và ủy quyền cho Bên Ngân hàng tự động trích nợ bất kỳ tài khoản nào của Bên vay tại Bên Ngân hàng để thu các khoản phí thuộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay theo Hợp Đồng.
  - d) Bên vay đồng ý rằng, các khoản phí, chi phí liên quan đến việc thiết lập, quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán nêu không được Bên vay thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ sẽ được tính và tự động ghi nợ vào Hạn mức thấu chi.
7. Bên vay đồng ý thanh toán các khoản chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới việc vay vốn phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng.

## **Điều 5. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay**

- 1. VPBank đồng ý cho Bên vay vay vốn trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín cá nhân của Bên vay, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.
- 2. Bên vay đồng ý rằng trong suốt thời hạn vay vốn, nếu xảy ra bất cứ sự kiện nào mà theo nhận định đơn phương của Bên Ngân hàng là có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay hoặc khiến Bên vay không đủ điều kiện để được vay không có bảo đảm theo quy định của Bên Ngân hàng, thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng yêu cầu, Bên vay phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố hoặc ký quỹ cho Bên Ngân hàng. Tài sản đưa vào cầm cố, thế chấp và/hoặc ký quỹ phải có giá trị (theo định giá của Bên Ngân hàng) đủ để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng và phải được Bên Ngân hàng chấp thuận. Bên vay phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục bảo đảm tiền vay (công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm vv...) theo quy định của pháp luật và quy định của Bên Ngân hàng. Nếu Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc thu xếp biện pháp bảo đảm khác theo đúng quy định này trong thời hạn nêu trên, thì Bên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo đúng quy định tại Bản Điều Khoản Và Điều Khoản này.

3. Không phụ thuộc vào quy định tại Điều này, trường hợp Bên vay có bất kỳ tài sản bảo đảm nào tại Bên Ngân hàng, Bên Ngân hàng được quyền chỉ giải tỏa tài sản bảo đảm này cho Bên vay khi Bên vay đã hoàn tất mọi nghĩa vụ với Bên Ngân hàng, bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo Hợp Đồng.

## **Điều 6. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay**

1. Khi Bên vay sử dụng tiền vay thuộc Hạn mức thấu chi, Bên Ngân hàng sẽ ghi Nợ các khoản tiền này vào Tài khoản thấu chi và các khoản tiền này được coi là các khoản nợ gốc. Các khoản tiền lãi, phí và các chi phí phát sinh thuộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay cũng sẽ được ghi Nợ vào Tài khoản thấu chi.
2. Thời hạn và phương thức thanh toán nợ gốc, lãi thấu chi:
  - a) Thời hạn thanh toán nợ gốc, lãi thấu chi, các khoản phí, phạt (nếu có) đối với từng Khoản Nợ là: .... ngày tính từ ngày Bên vay sử dụng hạn mức thấu chi để chuyển khoản thanh toán cho Bên thụ hưởng (sau đây gọi là "**Kỳ trả nợ**"). Theo đó, các Bên thống nhất rằng: (i) Ngày đến hạn thanh toán của từng Khoản Nợ là ngày cuối cùng của Kỳ trả nợ ("**Ngày đến hạn thanh toán**"); và (ii) Vào Ngày kết thúc Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi theo Hợp Đồng, toàn bộ số dư nợ gốc, lãi chưa đến hạn thanh toán của từng Khoản Nợ cũng sẽ được xem là đến hạn và khi đó Ngày đến hạn thanh toán chính là Ngày kết thúc Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi.
  - b) Định kỳ vào Ngày sao kê, Hệ thống Veefin-SCF của Bên Ngân hàng sẽ tự động tính và liệt kê chi tiết số nợ gốc, nợ lãi, các khoản tiền phí, phạt (nếu có) chưa trả của Bên vay phát sinh tính đến Ngày sao kê theo từng Khoản Nợ thuộc Hạn mức thấu chi (sau đây gọi chung là "**Bảng kê chi tiết**"). Bên vay có thể đăng nhập tài khoản sử dụng của Bên vay trên Hệ thống Veefin-SCF để xem Bảng kê chi tiết, đồng thời Hệ thống của Bên Ngân hàng sẽ tự động gửi thông báo về Bảng kê chi tiết này qua email/số điện thoại của Bên vay nêu tại Phần I - Giấy đề nghị vay vốn kiêm Phương án sử dụng vốn của Hợp Đồng vào Ngày sao kê hoặc chậm nhất vào ngày tiếp theo của Ngày sao kê (trong trường hợp Ngày sao kê là Ngày sao kê thứ nhất).
  - c) Bên vay có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Bên Ngân hàng toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt (nếu có) phát sinh của mỗi Khoản Nợ theo Bảng kê chi tiết tính đến Ngày sao kê thứ hai chậm nhất vào Ngày đến hạn thanh toán của Kỳ trả nợ đó. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của Bên Ngân hàng mà Bên vay không xem được trên Hệ thống và/hoặc không nhận được thông báo về Bảng kê chi tiết theo quy định này, Bên vay vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả trong kỳ theo đúng thời hạn quy định tại Hợp Đồng, đồng thời thông báo cho Bên Ngân hàng để kiểm tra lại nguyên nhân.
  - d) Không phụ thuộc vào các quy định nêu trên, Bên vay đồng ý trong Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, Bên Ngân hàng sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào được ghi có trên Tài khoản thấu chi để thu nợ gốc thấu chi, lãi thấu chi, phí, phạt (nếu có).
3. Bên vay có thể thanh toán nợ gốc, lãi thấu chi bằng cách nộp tiền, chuyển khoản thông qua các lệnh thanh toán hợp pháp vào Tài khoản thấu chi. Bên vay có thể chuyển tiền thanh toán vào Tài khoản thấu chi trên Hệ thống Veefin-SCF của Bên Ngân hàng hoặc tại trụ sở Bên Ngân hàng hoặc thông qua dịch vụ ngân hàng điện tử khác của Bên Ngân hàng nếu Bên vay có đăng ký sử dụng dịch vụ này hoặc từ các Ngân hàng khác.
4. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ của Bên Ngân hàng hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì Bên vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày Bên vay thực tế trả nợ.
5. Vào ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, hạn mức thấu chi sẽ tự động bị đóng (=0) và Tài khoản thấu chi có số dư bằng 0 tại thời điểm đó. Toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này.
6. Bên vay vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó. Bên vay đồng ý rằng, trường hợp Bên vay có các tài khoản thanh toán khác ngoài Tài khoản thấu chi mở tại Bên Ngân hàng, khi các tài khoản này có số dư ghi có, Bên Ngân hàng có thể lựa chọn và quyết định việc trích thu tiền từ các tài khoản này để thu nợ gốc, lãi thấu chi. Trường hợp các tài khoản này có loại tiền khác với loại tiền vay, và Bên Ngân hàng có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho Bên vay trả nợ, thì Bên Ngân hàng sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay theo tỷ giá mà Bên

Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, Bên Ngân hàng sẽ yêu cầu Bên vay ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của Bên Ngân hàng, trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, Bên Ngân hàng có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho Bên vay theo quy định tại Hợp Đồng. Việc Bên Ngân hàng bán ngoại tệ để Bên vay trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Bên vay trả nợ cho Bên Ngân hàng bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên Ngân hàng theo đúng thời hạn mà Bên Ngân hàng thông báo. Bên vay chấp nhận việc Bên Ngân hàng phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên vay chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
8. Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:
  - a) Khi tiền được ghi Có vào Tài khoản thấu chi, Bên Ngân hàng sẽ thu nợ theo thứ tự ưu tiên đối với các Khoản Nợ thuộc hạn mức thấu chi theo Hợp Đồng như sau: các Khoản Nợ quá hạn, các Khoản Nợ trong hạn.
  - b) Đối với Khoản Nợ bị chuyển quá hạn, Bên Ngân hàng sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của Bên Ngân hàng, các khoản tiền phạt chậm trả, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.
  - c) Đối với Khoản Nợ chưa bị chuyển quá hạn (Khoản Nợ trong hạn), Bên Ngân hàng sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của Bên Ngân hàng (nếu có); các khoản tiền phạt chậm trả, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi (nếu có); tiền lãi liệt kê của tất cả các Khoản Nợ tại Bảng kê chi tiết tính đến Ngày sao kê theo thứ tự Khoản Nợ có Ngày đến hạn thanh toán gần nhất so với ngày Khách hàng thanh toán thì thu trước; nợ gốc, tiền lãi còn lại trên dư nợ gốc của từng Khoản Nợ chưa được thể hiện tại Bảng kê chi tiết theo thứ tự Khoản Nợ có Ngày đến hạn thanh toán gần nhất so với ngày Khách hàng thanh toán thì thu trước; và các khoản liên quan khác.

#### **Điều 7. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ Và Cấp Lại Hạn Mức Thấu Chi**

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ ít nhất là 10 ngày, nếu Bên vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân hàng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. Bên Ngân hàng trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên vay có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay. Nếu Bên vay được Bên Ngân hàng đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoản vay của Bên vay sẽ được áp dụng mức lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên vay đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của Bên Ngân hàng và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được Bên Ngân hàng thông báo.
3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của các Bên.
4. Trước ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi ít nhất 30 ngày, nếu Bên vay có nhu cầu cấp lại hạn mức thấu chi thì Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân hàng xem xét. Bên Ngân hàng có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị xin cấp lại hạn mức thấu chi của Bên vay. Nếu được chấp thuận, Bên vay phải thanh toán toàn bộ dư nợ thấu chi theo Hợp Đồng trước khi Bên Ngân hàng cấp hạn mức mới.

#### **Điều 8. Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi**

1. Bên Ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của Bên vay trong các trường hợp sau:
  - a) Hết thời hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên tại Điều 6 của Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này, mà Bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc thấu chi cho Bên Ngân hàng và không được Bên Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của Ngày đến hạn thanh toán của từng Kỳ trả nợ.
  - b) Đến thời hạn trả nợ gốc tiền vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 7 Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này mà Bên vay vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc như đã thỏa thuận. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận về cơ

cầu lại thời hạn trả nợ giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.

- c) Bên vay phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều 9 của Bản Điều Khoản Và Điều Khoản này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của Bên Ngân hàng. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà Bên Ngân hàng yêu cầu Bên vay phải trả nợ trước hạn.
2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn như quy định tại Khoản 3, Điều 4 Bản Điều Khoản Và Điều Khoản này kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.
3. Việc Bên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến việc Bên Ngân hàng thực hiện các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng. Kể từ thời điểm quá hạn, Bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp thỏa thuận tại Hợp Đồng, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý nợ, thu hồi tiền vay.
4. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp Đồng. Thông báo của Bên Ngân hàng sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).
5. Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa các Bên trong Hợp Đồng và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị Bên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đồng thời Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 Bản Điều Khoản Và Điều Khoản này.

### **Điều 9. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ**

1. Bên vay hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Bên vay sẽ không được Bên Ngân hàng giải ngân, sẽ bị Bên Ngân hàng chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng:
  - a) Bên vay cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc vay vốn sai sự thật, không chính xác, không trung thực khi đề nghị vay vốn hoặc trong quá trình vay vốn tại Bên Ngân hàng;
  - b) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với Bên Ngân hàng (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ nào) theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng và Bên vay tại Hợp Đồng và các văn bản thỏa thuận liên quan;
  - c) Bên vay không rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định tại Hợp Đồng, các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - d) Bên vay sử dụng vốn sai mục đích;
  - e) Bên vay có hành vi không trung thực, trốn tránh, thiếu thiện chí với Bên Ngân hàng trong quá trình vay vốn, trả nợ; không phối hợp với Bên Ngân hàng trong quá trình Bên Ngân hàng kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho Bên Ngân hàng các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của Bên Ngân hàng;
  - f) Bên vay thực hiện thay đổi lớn bộ máy quản trị, điều hành, thay đổi cơ cấu sở hữu hoặc dùng phần lớn tài sản của mình để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần; thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản doanh nghiệp;
  - g) Tình hình tài chính, thu nhập, tài sản của Bên vay giảm sút; phần lớn tài sản của Bên vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; Người đại diện theo pháp luật, người quản lý của Bên vay bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); Bên vay liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay cho Bên Ngân hàng;
  - h) Các tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có) bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Bên Ngân hàng;
  - i) Trường hợp Bên vay phải bổ sung tài sản bảo đảm và tài sản đó là của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
    - Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;

- Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho Bên Ngân hàng.
  - j) Bên vay phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại Bên Ngân hàng hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;
  - k) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng và/hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay hoặc xảy ra các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;
  - l) Bên vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ; hoặc Bên vay không cung cấp cho Bên Ngân hàng báo cáo thực trạng tài chính (nếu Bên vay vay vốn phục vụ mục đích kinh doanh)/báo cáo tình hình thu nhập (nếu Bên vay vay vốn phục vụ đời sống) trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - m) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên Ngân hàng liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp Đồng, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm;
  - n) Bên vay không thực hiện tái tục hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc Bên vay bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm.
  - o) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của Bên vay không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện;
  - p) Bên vay có tên trong danh sách ngừng hoạt động/tạm ngừng kinh doanh/chấm dứt kinh doanh trên website của Tổng cục thuế;
  - q) Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước;
  - r) Bên vay không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - s) Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên Ngân hàng phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh các sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính lãi hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai mà Bên Ngân hàng được yêu cầu thu hồi nợ trước hạn hoặc phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay;
  - t) Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
  - u) Hợp đồng ..... số ..... ký ngày .../.../.... giữa Bên vay và Bên thụ hưởng bị chấm dứt hoặc Bên Ngân hàng nhận được thông báo của Bên thụ hưởng về việc sẽ chấm dứt quan hệ đại lý với Bên vay;
  - v) Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank;
  - w) Các trường hợp khác mà Bên Ngân hàng xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay.
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi Bên Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn, các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay thuộc phạm vi Bên Ngân hàng thu hồi nợ trước hạn dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.
3. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp Đồng. Thông báo của Bên Ngân hàng sẽ nêu rõ thời điểm

chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của Bên vay (nếu có). Bên vay cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của Bên Ngân hàng.

4. Xử lý nợ vay: Trường hợp Bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp Đồng, Bên Ngân hàng được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
  - a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm (nếu có tài sản bảo đảm);
  - b) Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
  - c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay tại Bên Ngân hàng;
  - d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Ngân hàng đối với Khách hàng (nếu có);
  - e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên Ngân hàng thì Bên vay có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho Bên Ngân hàng.

#### **Điều 10. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Cho Vay**

1. Bên vay cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay tại thời điểm đề nghị cho vay bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và cam kết toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. Bên vay chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cho vay của Bên Ngân hàng bị ảnh hưởng.
2. Trong quá trình vay vốn, Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Ngân hàng:
  - a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay và chứng minh Bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - b) Bên vay phải cung cấp cho Bên Ngân hàng Báo cáo tài chính của Bên vay cho năm tài chính liền kề trước đó theo định kỳ hoặc đột xuất khi Bên Ngân hàng yêu cầu. Ngoài Báo cáo này, tùy từng trường hợp Bên vay đồng ý cung cấp cho Bên Ngân hàng Báo cáo tài chính được lập cho từng quý, nửa năm hoặc cho một giai đoạn nhất định khi được Bên Ngân hàng yêu cầu;
  - c) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của tài sản bảo đảm;
  - d) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân hàng.
3. Bên vay đồng ý cung cấp cho Bên Ngân hàng tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý của Bên Ngân hàng nhằm tuân thủ các quy định về Phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, trừng phạt và quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Bên vay đồng ý rằng Bên Ngân hàng có thể chia sẻ bất kỳ thông tin liên quan đến Bên vay và/hoặc các bên liên quan với bất kỳ cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý hoặc tòa án trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan này và/hoặc theo quy định của pháp luật;
4. Ngoài các thông tin, tài liệu nêu trên, Bên vay có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân hàng trong vòng 10 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
  - a) Bên vay thay đổi trụ sở, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa hai Bên.
  - b) Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại điểm f, g, h, i, j, o, p và u Khoản 1, Điều 9 của Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này.
5. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, Bên vay đồng ý với các biện pháp xử lý mà Bên Ngân hàng áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho Bên Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này.

#### **Điều 11. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại**

1. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Hợp Đồng và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần

nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, Bên vay có nghĩa vụ bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà Bên Ngân hàng phải gánh chịu do vi phạm của Bên vay.

2. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại như quy định tại Khoản 1 Điều này, Bên vay đồng ý bồi hoàn cho Bên Ngân hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư và các chi phí phát sinh khác mà Bên Ngân hàng đã thanh toán trong trường hợp khoản vay không được giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của Bên vay và các chi phí, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại mà Bên Ngân hàng phải thanh toán cho Bên thứ ba do vi phạm của Bên vay trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra.
3. Việc thanh toán tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và tiền bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của Bên Ngân hàng và Bên Ngân hàng không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào. Khi phát sinh vi phạm, Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, số tiền bồi hoàn và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay.
4. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp Đồng.
5. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của Bên Ngân hàng trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi Bên vay vi phạm theo Hợp Đồng.

## **Điều 12. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Ngân Hàng**

1. Quyền của Bên Ngân hàng:
  - a) Từ chối cho vay, từ chối giải ngân tiền vay nếu Bên vay không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc Bên Ngân hàng không có đủ điều kiện để cho vay, giải ngân tại thời điểm Bên vay yêu cầu;
  - b) Từ chối cho Bên vay sử dụng hạn mức thấu chi và khóa (chặn) chiều ghi nợ của tài khoản thấu chi trong trường hợp hết thời hạn của từng Kỳ trả nợ quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này mà Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền gốc, lãi, phí, phạt (nếu có) theo thông báo từ hệ thống của Bên Ngân hàng. Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) mở khóa chiều ghi nợ của tài khoản thấu chi sau khi Bên vay thanh toán hết các khoản nợ gốc, lãi thấu chi với điều kiện việc thanh toán đó được thực hiện trong Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi;
  - c) Được quyền yêu cầu Bên vay sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên vay để thanh toán các khoản nợ cho Bên Ngân hàng đầy đủ, đúng hạn;
  - d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên vay để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên vay;
  - e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay về tài sản bảo đảm, việc tuân thủ về pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường và xã hội, các tiêu chuẩn môi trường và xã hội mà Bên Ngân hàng đã cung cấp cho Bên vay (nếu có) và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
  - f) Được yêu cầu Bên vay bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho Bên Ngân hàng trong các trường hợp Bên Ngân hàng nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
  - g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ;
  - h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên vay theo Hợp Đồng;
  - i) Có quyền sử dụng các thông tin về Bên vay, và các khoản tín dụng của Bên vay bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Bên vay cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cung cấp cho các đối tác liên quan có hợp tác với Bên Ngân hàng để phát triển, cung cấp hoặc liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng;

- j) Tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại Bên Ngân hàng, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyên cho Bên Ngân hàng để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng này hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Bên Ngân hàng và Bên vay;
  - k) Trường hợp Bên vay có nhiều người, thì tất cả các Bên vay phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các Bên vay, Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các Bên vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
  - l) Thông báo về sản phẩm, dịch vụ, chương trình khuyến mại của Bên Ngân hàng và cảnh báo các rủi ro khi thực hiện dịch vụ và các thông báo khác phục vụ cho việc sử dụng dịch vụ tới Bên vay theo các cách thức mà Bên Ngân hàng cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tin nhắn/email...) với số lượng và thời gian không hạn chế.
2. Nghĩa vụ của Bên Ngân hàng:
- a) Giải ngân tiền vay cho Bên vay theo đúng thỏa thuận;
  - b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.
3. Bên Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Hợp đồng sử dụng Hệ thống và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay**

1. Quyền của Bên vay:
- a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ Bên Ngân hàng theo đúng thỏa thuận;
  - b) Được yêu cầu Bên Ngân hàng giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Bên vay (nếu có) sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Bên Ngân hàng.
2. Nghĩa vụ của Bên vay:
- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng trong suốt quá trình vay vốn;
  - b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;
  - c) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để Bên Ngân hàng trực tiếp kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
  - d) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp Đồng trong các trường hợp Bên Ngân hàng có yêu cầu;
  - e) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp Đồng và các văn bản liên quan. Bên vay hoàn toàn chấp thuận các mức lãi suất được Bên Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với Hợp Đồng và/hoặc các văn bản liên quan;
  - f) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, trường hợp vi phạm, Bên vay phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 11 của Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này. Ngoài khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, Bên vay phải thanh toán các khoản chi phí liên quan bao gồm nhưng không hạn chế chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án...;
  - g) Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để Bên Ngân hàng thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Ngân hàng.
  - h) Tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước bao gồm cả việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về môi trường và xã hội.
  - i) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên Ngân hàng đồng ý bằng văn bản.
  - j) Bên vay không được sử dụng vốn vay để cung cấp khoản vay/cấp vốn/hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các hoạt động trong Danh sách không cấp tín dụng liên quan đến vấn đề môi



trường và xã hội do Bên Ngân hàng ban hành từng thời kỳ.

3. Cam kết và bảo đảm của Bên vay:

- a) Đại diện của Bên vay ký kết Hợp Đồng và các văn bản tín dụng liên quan là người đại diện hợp pháp và có đủ thẩm quyền ký theo quy định nội bộ của Bên vay và quy định của pháp luật.
- b) Các giao dịch theo Hợp Đồng và các văn bản tín dụng có liên quan được ký với Bên Ngân hàng đã được phê duyệt đầy đủ, hợp lệ bởi cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Bên vay và quy định của pháp luật.
- c) Bên vay chấp nhận rằng các thông báo, ấn định lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí phạt, chi phí...theo quy định tại Hợp Đồng và các văn bản có liên quan được ký với Bên Ngân hàng đối với Bên vay là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên Ngân hàng, trừ trường hợp có sự sai sót rõ trong tính toán số học.
- d) Khi có sự kiện gây ảnh hưởng bất lợi đến việc duy trì khoản cấp tín dụng của Bên vay theo xác định của Bên Ngân hàng, Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay và Bên Ngân hàng có quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau: (i) Tạm dừng, dừng thực hiện/tuyên bố hủy bỏ cam kết cấp tín dụng theo các Hợp Đồng. Văn bản tín dụng có liên quan hoặc (ii) Thay đổi tăng lãi suất cho vay hoặc (iii) Yêu cầu Bên vay thanh toán chi phí gia tăng bổ sung. Việc áp dụng các biện pháp này sẽ do Bên Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Bên vay và văn bản thông báo có giá trị ràng buộc nghĩa vụ đối với Bên vay.
- e) Cam kết của Bên vay đối với quy định về phòng, chống tham nhũng:
  - Bên vay hoàn toàn hiểu rõ việc Bên Ngân hàng không yêu cầu Bên vay, cán bộ, nhân viên của Bên vay và/hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan đưa tiền cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Bên Ngân hàng và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho Bên Ngân hàng để hỗ trợ Bên Ngân hàng triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến Bên vay trong suốt quá trình tư vấn, thiết lập, giao dịch với Bên Ngân hàng, hỗ trợ Bên Ngân hàng trong hoạt động xử lý nợ,...; Bên Ngân hàng chỉ thu các khoản tiền (gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác của Bên vay) phù hợp với quy định của pháp luật và được thỏa thuận với Bên vay;
  - Bên vay cam kết (i) không hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc: đưa tiền, quà, hoặc gợi ý sẽ đưa tiền, quà, các lợi ích vật chất khác, kể cả việc chiêu đãi, ăn uống hay giúp đỡ đối với cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Bên Ngân hàng và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho Bên Ngân hàng để hỗ trợ Bên Ngân hàng triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến Bên vay, hỗ trợ Bên Ngân hàng trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi; và (ii) không thực hiện các hành vi gian lận, vi phạm quy định, quy trình của Bên Ngân hàng, vi phạm quy định của pháp luật;
  - Nếu biết, phát hiện hoặc nhận được các gợi ý, đòi hỏi, yêu cầu về việc đưa, nhận hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào của cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Bên Ngân hàng và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho Bên Ngân hàng để hỗ trợ Bên Ngân hàng triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến Bên vay, hỗ trợ Bên Ngân hàng trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi, Bên vay sẽ thông báo ngay cho Bên Ngân hàng thông qua một trong các kênh tiếp nhận thông tin sau đây: [sukientuanthu@vpbank.com.vn](mailto:sukientuanthu@vpbank.com.vn); hoặc số điện thoại 024.73059129 hoặc tổng đài 1900545415 hoặc kênh liên hệ khác được Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ;
  - Trong trường hợp vi phạm các cam kết tại Điểm e) Khoản 3 này, Bên vay hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm của mình, đồng thời từ bỏ các quyền khiếu nại đối với Bên Ngân hàng.
- f) Bên vay cam kết trong mọi trường hợp số tiền tối đa Bên vay được sử dụng trong Hạn mức thấu chi bằng (=) Hạn mức thấu chi xác định theo nguyên tắc nêu tại Khoản 1 Điều 2 của Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này trừ đi (-) [số dư nợ gốc (+) số dư nợ lãi thấu chi chưa được Bên vay thanh toán theo

Hợp Đồng tính đến Ngày sao kê].

4. Bên vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có), Hợp đồng sử dụng Hệ thống, các văn bản khác ký kết với Bên Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp**

1. Hợp Đồng được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
2. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng sẽ được các Bên bàn bạc, xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp các Bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các Bên thống nhất rằng địa chỉ của các Bên như nêu tại Phần I – Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn và Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của VPbank của Hợp Đồng là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Bên vay, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay.

#### **Điều 15. Trao Đổi Thông Tin**

1. Các thông báo, văn bản giao dịch giữa Bên Ngân hàng và Bên vay sẽ được gửi theo địa chỉ của Bên Ngân hàng tại Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của VPbank và của Bên vay tại Phần I – Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn. Trường hợp Bên nào có sự thay đổi địa chỉ thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên kia có quyền gửi văn bản theo địa chỉ cũ và mặc nhiên coi như Bên còn lại đã nhận được văn bản và nội dung các văn bản này có giá trị ràng buộc các Bên.
2. Văn bản thông báo, trao đổi thông tin liên quan đến Hợp Đồng được một Bên lập và gửi tới Bên kia sẽ được coi là đã được nhận bởi Bên kia vào thời điểm:
  - a) Văn bản giấy được gửi trực tiếp tới người có liên quan tại địa chỉ theo nguyên tắc xác định nêu tại khoản 1 Điều này;
  - b) Ngày làm việc liền sau ngày văn bản giấy được gửi bằng thư bảo đảm tới địa chỉ theo nguyên tắc xác định nêu tại khoản 1 Điều này; hoặc
  - c) Vào ngày làm việc liền sau ngày văn bản được gửi bằng Fax tới số Fax được nêu tại theo nguyên tắc xác định nêu tại khoản 1 Điều này và khi gửi Fax, máy Fax đã thông báo gửi và nhận thành công.
3. Ngoài phương thức trao đổi thông tin như quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Bên Ngân hàng có thể thông báo cho Bên vay các vấn đề liên quan tới khoản vay theo Hợp Đồng cũng như các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của Bên Ngân hàng đối với các khoản vay theo Hợp Đồng bằng một trong các phương thức liên hệ do Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phương thức sau: gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS, gửi email tới số điện thoại, email được Bên vay đăng ký với Bên Ngân hàng tại Phần I – Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn; niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc thông báo trên website chính thức của Bên Ngân hàng (website: [www.vpbank.com.vn](http://www.vpbank.com.vn)). Đối với các nội dung Bên Ngân hàng thông báo cho Bên vay bằng văn bản theo quy định của Hợp Đồng, các văn bản liên quan hoặc quy định của pháp luật, Các Bên đồng ý rằng, văn bản có thể được Bên Ngân hàng lập và gửi bằng bản giấy hoặc bằng các thông điệp dữ liệu qua tin nhắn SMS, email ... cho Bên vay theo quy định tại Điều này.
4. Bên vay được coi là đã nhận được thông báo của Bên Ngân hàng khi Bên Ngân hàng đã thông báo bằng một/ một số trong các phương thức nêu trên tới địa chỉ của Bên vay, số điện thoại, email được Bên vay đăng ký với Bên Ngân hàng, đã niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc đã thông báo trên website của Bên Ngân hàng. Bên Ngân hàng không có nghĩa vụ phải xác minh việc Bên vay đã nhận được các thông báo này. Trường hợp Bên vay có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với Bên Ngân hàng thì phải thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên Ngân hàng có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như Bên vay đã nhận được thông báo khi Bên Ngân hàng thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên vay.
5. Bên vay được coi là: (i) chấp thuận toàn bộ nội dung chấp thuận cho vay của VPBank tại phần Xác nhận chấp thuận cho vay nếu Bên vay sử dụng hạn mức thấu chi thông qua các lệnh thanh toán hợp pháp từ tài

khoản thấu chi sau thời điểm Bên Ngân hàng thông báo về việc chấp thuận cho Bên vay vay; và (ii) chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Bên Ngân hàng nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản vay tại Bên Ngân hàng sau thời điểm Bên Ngân hàng thông báo về các sửa đổi này.

#### **Điều 16. Điều Khoản Thi Hành**

1. Hợp Đồng chỉ có hiệu lực kể từ ngày Đại diện của Bên Ngân hàng ký, đóng dấu vào **Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank** của Hợp Đồng (sau khi đã hoàn tất thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản cấp tín dụng theo đúng quy định của Ngân hàng) cho đến hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi với điều kiện Bên vay đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng. Mọi thay đổi đối với các nội dung của Hợp Đồng chỉ có hiệu lực khi được các Bên thỏa thuận phù hợp với Hợp Đồng. Các văn bản, dữ liệu ghi nhận nội dung sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phù hợp với Hợp Đồng là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp Đồng sẽ được thực hiện theo các các cam kết, thỏa thuận khác giữa các Bên (nếu có) và theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp có điều khoản nào đó của Hợp Đồng bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Bằng việc ký kết Hợp Đồng:
  - a) Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được Bên Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp Đồng....
  - b) Bên vay đồng ý rằng Bên Ngân hàng có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về Bên vay, tài sản của Bên vay và các thông tin khác liên quan tới Bên vay để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/ quản lý khoản nợ của Bên Ngân hàng), bằng việc ký kết Hợp Đồng, Bên vay ủy quyền cho Bên Ngân hàng đại diện, thay mặt Bên vay liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của Bên vay và gia đình Bên vay (với Bên vay là cá nhân); thực hiện xác nhận tình trạng đăng ký trụ sở, địa điểm kinh doanh, tình trạng cư trú, việc làm của người đại diện của Bên vay (với Bên vay là tổ chức); (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm ....); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của Bên vay; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng. Bên vay đồng ý rằng Bên Ngân hàng được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.
4. Hợp Đồng được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ 01 bản, Bên Ngân hàng giữ 02 bản.

### PHẦN III – XÁC NHẬN CHẤP THUẬN CHO VAY CỦA VPBANK

#### 1. Thông tin của VPBank:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch .....

Mã số doanh nghiệp: .....do Sở KH&ĐT ..... cấp lần đầu ngày ...../...../....., đăng ký bổ sung lần ..... vào ngày ...../...../..... (ghi lần đăng ký bổ sung mới nhất, nếu chưa đăng ký bổ sung lần nào thì bỏ nội dung này)

Địa chỉ trụ sở : .....

Điện thoại : ..... - Fax: .....

Đại diện theo ủy quyền : **Ông/bà**..... - Chức vụ: .....

#### 2. Chấp thuận cấp hạn mức thấu chi cho Bên vay là Công ty: .....,

Trên cơ sở các nội dung do Bên vay lập, ký ngày ..../..../..... tại Phần I – Giấy đề nghị vay vốn kèm Phương án sử dụng vốn của Hợp Đồng mã số hồ sơ: ..... và các tài liệu mà Bên vay cung cấp, VPBank đã tiến hành thẩm định và đồng ý cấp cho Bên vay Hạn mức thấu chi với thông tin chi tiết như sau:

##### a) Hạn mức thấu chi, Tài Khoản Thấu Chi, Thời hạn hạn mức thấu chi, Mục đích sử dụng tiền vay, Lãi suất và Kỳ hạn trả nợ:

(i) Hạn mức thấu chi: .....

(ii) Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi:....., từ ngày .../.../... đến ngày .../.../.....

(iii) Tài khoản thấu chi:.....

(iv) Mục đích sử dụng vốn vay: .....

Bên vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và VPBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình.

(v) Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với từng Khoản Nợ thuộc Hạn mức thấu chi theo Hợp Đồng:

- Lãi suất cho vay trong hạn tại được xác định bằng Lãi suất cơ sở tại thời điểm giải ngân (+) biên độ (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày), trong đó:

+ Lãi suất cơ sở tại thời điểm giải ngân: .....

+ Biên độ: .....

- Thông tin về lãi suất cho vay trong hạn của từng Khoản Nợ thuộc Hạn mức thấu chi sẽ được Bên Ngân hàng thông báo cho Bên vay trên màn hình của Bên vay khi Bên vay thực hiện tạo lệnh chuyển tiền và nhận nợ trên Hệ thống Veefin-SCF.

Các Bên thống nhất rằng đến thời điểm điều chỉnh lãi suất nêu trên, Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và sẽ thông báo cho Bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh.

(vi) Mức lãi suất cho vay trong hạn và Mức lãi suất cho vay điều chỉnh quy định tại Điểm (v) Khoản a) Mục 2 này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định Phần II - Bản Điều Khoản Và Điều Kiện nêu trên. Để làm rõ, mức lãi suất năm tương ứng theo phương pháp tính lãi sử dụng:

- Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày Bên vay thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân hàng; và

- Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi

BẢNG chính mức lãi suất cho vay trong hạn, Mức lãi suất cho vay điều chỉnh quy định tại Điểm

(v) Khoản a) Mục 2 này, mức lãi suất quy đổi này không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Phần II - Bản Điều Khoản Và Điều Kiện nêu trên.

(vii) Phương thức giải ngân: Bên vay chỉ được sử dụng hạn mức thấu chi theo phương thức duy nhất là chuyển khoản từ Tài khoản thấu chi thông qua các Lệnh chuyển tiền và nhận nợ tiền hợp pháp trên Hệ thống Veefin-SCF để thanh toán các chi phí mua hàng hóa cho Công ty ..... (“**Bên thụ hưởng**”) vào tài khoản thanh toán số ..... của Bên thụ hưởng mở tại ..... theo Hợp đồng đại lý, hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng của Bên vay với Bên thụ hưởng.

b) **Điều kiện giải ngân khác:** Trừ trường hợp Bên Ngân hàng có chấp thuận khác, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân khi Bên vay và Bên liên quan (nếu có) đã đáp ứng các điều kiện giải ngân nêu tại Phần II - Bản Điều Khoản Và Điều Kiện và các điều kiện dưới đây:

(i) .....

(ii) .....

(iii) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về môi trường và xã hội theo quy định tại Hợp Đồng này

c) **Các nội dung khác liên quan tới Khoản vay và Bên vay không được đề cập trong** Phần I – Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn nêu trên và Phần III – Xác nhận chấp thuận cho vay của Bên Ngân hàng này sẽ được thực hiện theo các điều khoản, điều kiện quy định tại Phần III – Bản điều khoản và điều kiện cho vay hạn mức thấu chi tài khoản của Hợp Đồng.

Ngày ...../...../.....

**Đại diện VPBank**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Lưu ý:**

- Mẫu này áp dụng cho các Khách hàng là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân được phê duyệt hạn mức thấu chi chuyên dụng theo các quy định sản phẩm tài trợ chuỗi của FITB, có sử dụng Hệ thống Veefin-SCF và việc thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng cho Khách hàng thực hiện theo Quy trình cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm theo sản phẩm tài trợ chuỗi số 09/2020/QT-TGD và các văn bản thay thế.
- Trước khi in Hợp đồng để ký kết với Khách hàng, phải kiểm tra lại thật kỹ nội dung của Hợp đồng, làm theo đúng chỉ dẫn tại các foot-note (nếu có) và phần Hướng dẫn, sau đó xóa hết các foot-note (nếu có), xóa phần ký hiệu mẫu biểu và phần hướng dẫn.

**I. PHẦN CÁC BÊN CỦA HỢP ĐỒNG**

1. Đơn vị hướng dẫn KH hoàn thiện các thông tin về Bên Vay tại phần Giấy đề nghị và hoàn thiện thông tin của Bên cho vay tại phần Xác nhận chấp thuận cho vay.
2. **Các điều khoản về môi trường và xã hội (MTXH):** Trường hợp đề xuất cấp tín dụng của Khách hàng thuộc đối tượng phải thực hiện thẩm định rủi ro MTXH theo Quy định số 108/2019/QĐi-TGD ngày 31/12/2019 về thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng tại VPBank và/hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ thì Đơn vị bổ sung các điều khoản MTXH vào Điểm k và Điểm l, Mục 5. **CAM KẾT CỦA BÊN VAY** như dưới đây:

“k) Chúng tôi sẽ thực hiện theo mẫu đánh giá và kiểm soát các vấn đề về môi trường và xã hội theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ thỏa thuận liên quan tới môi trường và xã hội quy định tại Hợp Đồng và các tài liệu liên quan ký kết với Bên Ngân hàng.

l) Chúng tôi cam kết và bảo đảm rằng, đến thời điểm ký Hợp Đồng, Chúng tôi không:

  - Vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật về môi trường và xã hội của Việt Nam hay bất kỳ chính sách, hướng dẫn về môi trường xã hội của Bên Ngân hàng;
  - Nhận được bất kỳ khiếu nại, chỉ thị, yêu cầu từ bất kỳ cơ quan nào hoặc bất kỳ thông báo bằng văn bản từ bên thứ ba nào liên quan đến việc không tuân thủ quy định về môi trường và xã hội theo luật Việt Nam.
3. **Lưu ý:** Trường hợp người ký Hợp đồng của không phải là Khách hàng thì phải yêu cầu Khách hàng cung cấp Văn bản ủy quyền hợp lệ cho người ký Hợp đồng.

**II. PHẦN NỘI DUNG BẢN ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN**

1. **Khoản 2 Điều 6:** FI&TB chịu trách nhiệm điền theo đúng quy định tại Chương trình sản phẩm chuỗi trước khi chuyển KH/ Đối tác KYC.
2. **Các điều khoản về môi trường và xã hội (MTXH):** Trường hợp đề xuất cấp tín dụng của Khách hàng thuộc đối tượng phải thực hiện thẩm định rủi ro MTXH theo Quy định số 108/2019/QĐi-TGD ngày 31/12/2019 về thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng tại VPBank và/hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung do VPBank ban hành từng thời kỳ thì Đơn vị bổ sung các điều khoản MTXH như dưới đây:
  - a. Bổ sung Điểm x, Khoản 1, Điều 9. **Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ** như sau:

“x) Bên vay không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ, cam kết, bảo đảm nào theo các thỏa thuận về môi trường và xã hội với Bên Ngân hàng tại Hợp Đồng và/hoặc các thỏa thuận có liên quan khác mà không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo với Bên vay về vi phạm đó.”
  - b. Bổ sung Điểm l, Khoản 1, Điều 12. **Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Ngân Hàng** như sau:

“l) Được yêu cầu Bên vay và/hoặc Doanh nghiệp tư nhân/ Hộ kinh doanh do Bên vay làm chủ bổ sung, hoàn thiện và/hoặc phối hợp với Bên Ngân hàng hoàn thiện bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan tới vấn đề về môi trường và xã hội bao gồm nhưng không giới hạn Kế hoạch khắc phục rủi ro về môi trường và xã hội và tài liệu về giám sát các vấn đề về môi trường và xã hội theo mẫu của Bên Ngân hàng.”

- c. Bổ sung Điểm k, Điểm l và Điểm m, Khoản 2, Điều 13. **Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay** như sau:
- “k) Liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo phương án kinh doanh giải ngân theo quy định trong Hợp Đồng này, khi Bên Ngân hàng có yêu cầu và đã thông báo trước bằng văn bản cho Bên vay, trừ trường hợp Bên vay có văn bản từ chối (ghi rõ lý do) trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Bên vay phải cho phép đại diện của Bên Ngân hàng:

- Kiểm tra bất kỳ địa điểm và cơ sở hoạt động kinh doanh nào của Bên vay;
- Kiểm tra bất kỳ cơ sở vật chất, nhà máy và thiết bị của Bên vay;
- Có quyền tiếp cận sổ sách và tất cả các hồ sơ của Bên vay, và
- Có quyền tiếp cận các nhân viên, đại lý, nhà thầu và các nhà thầu phụ của Bên vay có hoặc có thể có kiến thức về các vấn đề liên quan mà Bên Ngân hàng tìm kiếm thông tin.

l) Bên vay phải thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và giám sát tất cả các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà máy, trang thiết bị và cơ sở vật chất của Bên vay đảm bảo:

- (i) Tuân thủ quy định của Pháp luật về môi trường và xã hội của Việt Nam và chính sách, hướng dẫn về môi trường và xã hội của Bên Ngân hàng; và
- (ii) Tuân thủ các quy tắc và quy định (bao gồm bất kỳ nghĩa vụ hiệp ước quốc tế nào, nếu có) của Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường, xã hội, lao động, an toàn lao động và an ninh cộng đồng.

m) Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc tai nạn liên quan đến môi trường và xã hội, gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Pháp luật về môi trường và xã hội cũng như các yêu cầu tuân thủ về môi trường và xã hội của Bên Ngân hàng, Bên vay có nghĩa vụ phải thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi xảy ra sự cố hoặc tai nạn đó.”

### III. PHẦN III – XÁC NHẬN CHẤP THUẬN CHO VAY CỦA VPBANK

#### 1. Lãi suất cho vay

- a) Khoản 5: Đơn vị căn cứ vào quy định về lãi suất cho vay do Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ đối với từng chương trình sản phẩm cụ thể và/hoặc phê duyệt của cấp có thẩm quyền để thiết lập điều khoản về lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất.

- i. **Lưu ý 1:** Đối với nội dung về Lãi suất cơ sở tại thời điểm giải ngân: Mức lãi suất tham chiếu phải được quy định cụ thể, tránh việc dẫn chiếu chung chung dẫn đến mức lãi suất tham chiếu có thể được hiểu bao gồm nhiều mức khác nhau.

**Ví dụ:** Nếu lãi suất cơ sở tại thời điểm giải ngân là Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm giải ngân, Đơn vị xây dựng nội dung “Lãi suất cơ sở tại thời điểm giải ngân” như sau:

“+Lãi suất cơ sở tại thời điểm giải ngân: Là Lãi suất tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm giải ngân.”

- ii. **Lưu ý 2:** Đối với nội dung về Biên độ:

- Trường hợp áp dụng biên độ bậc thang, Đơn vị xây dựng nội dung về biên độ đối với lãi suất cho vay trong hạn như sau:

“+ *Biên độ*: Được xác định theo từng khoảng thời gian trong Kỳ trả nợ như sau:

- (i) *Biên độ áp dụng trong khoảng thời gian từ ngày giải ngân (ngày thứ nhất) cho đến ngày thứ ..... của Kỳ trả nợ: .....*
- (ii) *Biên độ áp dụng trong khoảng thời gian từ ngày thứ ..... cho đến ngày thứ ..... của Kỳ trả nợ: .....*
- (iii) *Biên độ áp dụng trong khoảng thời gian từ ngày thứ ..... cho đến ngày thứ ..... của Kỳ trả nợ: .....*

*Ngày đầu tiên của từng khoảng thời gian nêu trên (ngoại trừ ngày giải ngân) được xác định là thời điểm điều chỉnh lãi suất.”*

**- Trường hợp áp dụng biên độ cố định trong suốt Kỳ trả nợ của Khoản vay, Đơn vị thực hiện:**

**Xây dựng nội dung về biên độ đối với lãi suất cho vay trong hạn như sau:**

“+ *Biên độ*: ..... *Biên độ sẽ được cố định trong suốt Kỳ trả nợ của Khoản Nợ.”*

**Đồng thời bỏ nội dung** “*Các Bên thống nhất rằng khi đến thời điểm điều chỉnh lãi suất nêu trên, Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và sẽ thông báo cho Bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh.”*

**Điều chỉnh lại nội dung** Điểm (vi) Khoản a) Mục 2 như sau:

“(vi) *Mức lãi suất cho vay trong hạn quy định tại Điểm (v) Khoản a) Mục 2 này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Phần II -Bản Điều Khoản Và Điều Kiện nêu trên. Để làm rõ, mức lãi suất năm tương ứng theo phương pháp tính lãi sử dụng:*

- *Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày Bên vay thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân hàng; và*
- *Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi*

*BẢNG chính mức lãi suất cho vay trong hạn quy định tại Điểm (v) Khoản a) Mục 2 này, mức lãi suất quy đổi này không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Phần II-Bản Điều Khoản Và Điều Kiện nêu trên.”*

**2. Điều kiện giải ngân khác:**

Nếu Nghị quyết/Sản phẩm/Chính sách không quy định điều kiện giải ngân nào khác thì bỏ nội dung về điều kiện nêu tại điểm (i), (ii) Khoản b, Mục 2.

Nếu Nghị quyết/Sản phẩm/Chính sách không quy định điều kiện giải ngân khác, bao gồm cả điều kiện về môi trường và xã hội thì bỏ Khoản b, Mục 2.

**3. Các điều, khoản khác:** Đơn vị căn cứ vào nghị quyết phê duyệt/ chính sách/ sản phẩm để hoàn thiện thông tin vào các **phần** để trống tương ứng.

**3. Lưu ý:** Hạn chế sửa đổi, thêm, bớt nội dung ở các điều khoản còn lại của Hợp đồng. Trường hợp xét thấy cần chỉnh sửa hoặc Khách hàng yêu cầu chỉnh sửa, Đơn vị trình thực hiện theo quyết định ban hành bộ mẫu biểu này.